

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 04 - 2024.

V/v: “T/c ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quang và ông Đặng Quang Hoạch.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 1092/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2024 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Đan Q, sinh năm 1998. HKTT: Thôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Cư trú tại: Số F, thôn T, ấp A, tỉnh Lộ 767, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Anh Chiu Kín H, sinh năm 1997. HKTT và trú tại: Tổ A, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Q đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Hoàng Đan Q trình bày:

Chị Hoàng Đan Q và anh Chiu Kín H tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào năm 2022.

Sau khi kết hôn chị Q và anh H chung sống thường hay xảy ra mâu thuẫn,

cãi vã. Nguyên nhân do anh **H** ham mê bài bạc, đã bị TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử về tội “Đánh bạc” nhưng không từ bỏ mà còn thường xuyên bỏ nhà đi thâu đêm để đánh bạc; không chăm lo gì cho gia đình, con cái. Mặc dù chị **Q** đã cố gắng nhẫn nhịn để hàn gắn tình cảm vợ chồng và cho con được sống trong tình yêu thương của cả cha và mẹ nhưng anh **H** vẫn chứng nào tật nấy và không chịu thay đổi. Nay chị **Q** không còn tình cảm dành cho anh **H** nữa, đời sống hôn nhân giữa chị và anh **H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **Hoàng Đan Q** yêu cầu được ly hôn với anh **C** Kín Hám để giải thoát cho nhau và để cho chị **Q** có cơ hội kết hôn với người khác.

Về con chung: Chị **Q** trình bày chị và anh **H** có 01 con chung là **Chiu Hoàng Diệu N**, sinh ngày 07/12/2022. Khi ly hôn, chị **Q** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; tạm thời không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng tiền cho chị **Q** nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị **Q** cam kết chị và anh **H** không có nợ chung.

** Anh **Chiu Kín H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng nhưng anh **H** vẫn không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa (vắng mặt không có lý do) và cũng không có ý kiến trình bày.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

*Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **Hoàng Đan Q** được ly hôn với anh **Chiu Kín H**. Về con chung: Giao cho chị **Hoàng Đan Q** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là **Chiu Hoàng Diệu N**, sinh ngày 07/12/2022; tạm thời chị **Q** không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng tiền cho chị **Q** nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung khai không có; bị đơn không có tranh chấp và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Chị **Hoàng Đan Q** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh **Chiu Kín H** hiện đang cư trú tại: **Tổ A, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai** và tranh chấp ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp

luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Chị **Hoàng Đan Q** có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; anh **Chiu Kín H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về yêu cầu xin ly hôn:

Quan hệ hôn nhân giữa chị **Hoàng Đan Q** và anh **Chiu K** Hám là hôn nhân hợp pháp, vì họ kết hôn tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2022 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã kêu gọi chị **Hoàng Đan Q** đoàn tụ với anh **C** Kín Hám nhưng chị **Q** vẫn cương quyết ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm yêu thương, tôn trọng dành cho nhau nữa.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh **Chiu K** Hám đến Tòa án để làm việc, vận động hàn gắn đoàn tụ giữa chị **Q**, anh **H** nhưng anh **H** không chấp hành, vắng mặt mà không có lý do chính đáng, chứng tỏ anh **H** cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân của anh chị. Thực tế, chị **Hoàng Đan Q** và anh **Chiu Kín H** đã sống ly thân hơn 01 năm nay.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị **Hoàng Đan Q** và anh **Chiu Kín H** đã xảy ra trong thời gian dài, đã trầm trọng, giữa họ không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc đến nhau, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho chị **Hoàng Đan Q** được ly hôn với anh **Chiu Kín H**.

2.2. Về con chung:

Chị **Hoàng Đan Q** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Chiu **Hoàng Diệu N**, sinh ngày 07/12/2022. Anh **Chiu K** Hám không có tranh chấp về việc ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Cháu **Chiu Hoàng Diệu N** hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó, giao cho chị **Hoàng Đan Q** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Chiu **Hoàng Diệu N** là đảm bảo việc phát triển toàn diện cho con và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị **Hoàng Đan Q** tạm thời không yêu cầu anh **Chiu K** Hám phải cấp dưỡng tiền cho chị **Q** nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.3. *Về tài sản chung*: Chị **Hoàng Đan Q** và anh **Chiu K** Hám không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Chị **Hoàng Đan Q** trình bày không có, anh **Chiu K** Hám không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị **Hoàng Đan Q** phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Đan Q**:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **Hoàng Đan Q** được ly hôn với anh **Chiu Kín H**.

2. *Về con chung*: Giao cho chị **Hoàng Đan Q** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Chiu **Hoàng Diệu N**, sinh ngày 07/12/2022.

Tạm thời, chị **Hoàng Đan Q** không yêu cầu anh **Chiu K** Hám phải cấp dưỡng tiền cho chị **Q** nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh **Chiu Kín H**.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị **Hoàng Đan Q** phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ

vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007766 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị **Hoàng Đan Q** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- UBND TT. Trảng Bom, huyện Trảng Bom (GCNKH số 73 ngày 07/06/2022);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Duy Mạnh